



dì liù
第六

ordinal number · sixth

Example Sentences

Tā shì dì liù ge dào dá zhōng diǎn de rén.
他是第六个到达终点的人。

He is the sixth person to reach the finish line.

Zhè běn shū de dì liù yè yǒu yī zhāng dì tú.
这本书的第六页有一张地图。

There is a map on the sixth page of this book.

Trace each character, then write the word on your own.

第	第	第	第	第	第	第	第	第	第	第
第	第	第								

六	六	六	六	六	六	六				
